

Số: /TB-TCKH.

Biên Hòa, ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022

Đơn vị được thông báo: **PHÒNG TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG**
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Mã chương: 626

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Phòng Tài nguyên – Môi trường thành phố và Biên bản xét duyệt quyết toán ngày 13/9/2023 giữa Phòng Tài nguyên – Môi trường và Phòng Tài chính – Kế hoạch.

Phòng Tài chính – Kế hoạch thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 (không bao gồm quyết toán vốn XDCCB, các công trình vốn sự nghiệp, quản lý hành chính mang tính chất XDCCB.....- sẽ có biên bản riêng) của Phòng Tài chính – Kế hoạch như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: **429.868.700 đồng**
 - + Thu phí xử lý nước thải: 397.768.700 đồng.
 - + Thu phí cấp phép môi trường: 32.100.000 đồng.
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: **330.426.525 đồng.**
 - + Thu phí xử lý nước thải (75%): 298.326.525 đồng.
 - + Thu phí cấp phép môi trường (100%): 32.100.000 đồng.
- Số phí được khấu trừ, để lại đơn vị: **99.442.175 đồng.**
 - + Thu phí xử lý nước thải (25%): 99.442.175 đồng.
 - + Thu phí cấp phép môi trường (0%): 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a đính kèm)

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: **4.264.708.195 đồng**
- Dự toán được giao trong năm: **446.107.272.500 đồng**, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 253.360.000.000 đồng;
 - + Dự toán điều chỉnh, bổ sung trong năm: 192.747.272.500 đồng (trong đó: điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 27/7/2022:

191.104.942.500 đồng; bổ sung theo Quyết định số 4464/QĐ-UBND ngày 22/12/2022: 1.642.330.000 đồng).

- Kinh phí thực nhận trong năm: **419.087.652.482 đồng**.
- Kinh phí quyết toán: **419.087.652.482 đồng**.
- Kinh phí giảm trong năm: **29.568.323.565 đồng**.
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: **1.716.004.648 đồng**, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
 - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 1.716.004.648 đồng;

(Số liệu chi tiết theo 1c đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 104.897.672 đồng
 - Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 104.897.672 đồng
 - Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng
- (Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 69 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC)*

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Do giới hạn về nguồn nhân lực và thời gian xét duyệt quyết toán, Phòng Tài chính – Kế hoạch căn cứ Báo cáo quyết toán, hồ sơ, sổ kế toán, chứng từ do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố cung cấp (*Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm về tính pháp lý, tính xác thực của hồ sơ, chứng từ sổ sách kế toán và tài liệu cung cấp cho Phòng Tài chính – Kế hoạch*), không chứng kiến việc kiểm kê vật tư hàng hóa, tài sản, quỹ tiền mặt tại thời điểm 31/12/2022.

Trên cơ sở báo cáo, tài liệu của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố cung cấp và tự chịu trách nhiệm, Phòng Tài chính- Kế hoạch thuyết minh số liệu như sau:

3.1. Về số thu:

3.1.1 Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ):

- + Dự toán: 382.000.000 đồng
- + Thực hiện: 429.868.700 đồng
- + Nộp NSNN: 330.426.525 đồng
- + Để lại đơn vị : 99.442.175 đồng

a/ Số thu thực hiện cao hơn so với dự toán giao là 47.868.700 đồng, tăng 12,53%. Đơn vị đã thực hiện nộp NSNN theo quy định.

b/ Đối với nguồn cải cách tiền lương: Đơn vị phải thực hiện trích số kinh phí là: **39.776.870 đồng**. Đơn vị thực hiện nộp ngân sách nhà nước và trích nguồn cải cách tiền lương đầy đủ theo quy định.

c/ Thu khác - TK 3712 (nguồn phí):

- Tồn đầu kỳ: 398.263.103 đồng.
- Thực hiện: 99.442.175 đồng
 - + Thu phí xử lý nước thải (25%): 99.442.175 đồng.
- Chi trong kỳ: 273.920.463 đồng
 - + Chi hoạt động của đơn vị từ nguồn thu phí: 25.241.671 đồng.
 - + Nộp theo kiến nghị của Kiểm toán (40% CCTL): 247.159.791 đồng
 - + Nộp theo kiến nghị của Kiểm toán (10% theo NQ58): 1.519.001 đồng
- Tồn cuối kỳ: 223.784.815 đồng.
 - + Kinh phí 40% CCTL năm 2022: 39.776.870 đồng
 - + Kinh phí 60% hoạt động của đơn vị: 184.007.945 đồng.

3.1.2 Thu khác - TK 3713 (thẩm định phương án bồi thường và các kinh phí khác):

- Tồn đầu kỳ: 7.276.233.234 đồng.
- Thực hiện: 6.648.952.549 đồng
 - + Thu thẩm định phương án bồi thường: 4.927.720.277 đồng
 - + Thành phố BH tạm ứng KP dịch Covid-19: 1.613.800.000 đồng
 - + Kinh phí tiền điện nhận lại do trả sai đơn vị thụ hưởng: 2.534.600 đồng.
 - + Cty CPMT Sonadezi nộp lại NSNN: 104.897.672 đồng
- Chi trong kỳ: 3.603.849.261 đồng
 - + Chi thẩm định phương án bồi thường: 1.885.151.589 đồng.
 - + Hoàn tạm ứng KP dịch Covid-19: 1.613.800.000 đồng.
 - + Nộp NSNN (Cty CPMT Sonadezi nộp lại NSNN): 104.897.672 đồng
- Tồn cuối kỳ: 10.321.336.522 đồng.
 - + Chi thẩm định phương án bồi thường: 10.318.801.922 đồng.
 - + Kinh phí tiền điện tồn tại đơn vị do trả sai đơn vị thụ hưởng: 2.534.600 đồng.

Ngoài các nguồn thu trên, đơn vị không báo cáo nguồn thu nào khác. Đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có khoản thu nào để ngoài sổ sách.

3.2 Về số chi:

Đơn vị thực hiện chi ngân sách theo dự toán được giao, khớp đúng với số liệu thực chi với Kho bạc Nhà nước. Trên cơ sở báo cáo, tài liệu đơn vị cung cấp và tự chịu trách nhiệm, Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện kiểm tra một số chứng từ như sau:

3.2.1 Kinh phí thanh toán bảo trì phần mềm quản lý tài sản cố định: đơn vị đã thanh toán chi phí bảo trì phần mềm quản lý tài sản cố định năm 2022 cho nhà cung cấp phần mềm Công ty Cổ phần MISA, với số tiền 3.000.000 đồng; việc thanh toán này chưa đúng theo Văn bản số 7029/UBND-KT ngày 01/9/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai và Văn bản số 3728/STC-GCS ngày 20/8/2015 của Sở Tài chính (*Chi phí nâng cấp, bảo trì, duy trì sử dụng hàng năm, từ năm thứ hai trở đi*

là 2.000.000 đồng/đơn vị), đơn vị thanh toán vượt quy định số tiền là 1.000.000 đồng.

3.2.2 Kinh phí xử lý rác sinh hoạt năm 2021: nội dung thực hiện Hợp đồng nguyên tắc số 136/2020/HĐNT ký ngày 31/12/2020 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường và Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi chưa đúng với Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai. Nội dung thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng số 136/2020/HĐNT: *“Trong thời gian bên A chưa thực hiện xong công tác lựa chọn được nhà thầu để xử lý rác thải sinh hoạt bằng phương pháp chế biến phân hữu cơ (compost) đảm bảo tỷ lệ chôn lấp dưới 15% trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2021 theo quy định.... Bên A tạm giao cho bên B thực hiện công tác xử lý rác thải sinh hoạt bằng phương pháp chôn lấp trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2021 tại khu xử lý chất thải Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu (đơn vị trúng thầu năm 2020)”* trong khi đó nội dung của Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai *“về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xử lý rác thải sinh hoạt bằng phương pháp chế biến phân hữu cơ (compost) đảm bảo tỷ lệ chôn lấp dưới 15% trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2021 do Phòng Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư”* với giá trị Hợp đồng nguyên tắc số 136/2020/HĐNT là 25.936.057.548 đồng.

3.2.3 Biên bản bàn giao sản phẩm cho phường xã của nhiệm vụ Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023: Biên bản bàn giao của phường An Hòa bị trùng với 2 phường khác.

3.3 Số kinh phí tồn:

3.3.1 Số kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: **1.716.004.648 đồng**, trong đó:

+ Kinh phí hoạt động (nguồn 13): 112.204.648 đồng.

+ Kinh phí chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 (nguồn 15): 1.603.800.000 đồng.

Nguyên nhân: Theo điểm đ, khoản 1, Điều 43 của Nghị Quyết số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ thì các khoản dự toán chưa thực hiện hoặc chưa chi hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng, Phòng Tài nguyên và Môi trường được bổ sung các kinh phí này tại Quyết định số 4464/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố Biên Hòa để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19 nhưng chưa thực hiện xong nhiệm vụ nên các kinh phí này được chuyển sang năm 2023 để tiếp tục sử dụng là 1.603.800.000 đồng.

3.3.2 Kinh phí hủy dự toán năm 2021: **29.568.323.565 đồng**, trong đó:

+ Kinh phí chi con người (nguồn 13): 251.867.237 đồng

+ Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12): 379.859.974 đồng

+ Kinh phí rác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt năm 2022 (261-nguồn 12): 24.281.354.206 đồng

+ Kinh phí xử lý nước thải sinh hoạt (262-nguồn 12): 230.285.658 đồng

+ Kinh phí sự nghiệp môi trường khác (278-nguồn 12): 2.059.986.702 đồng

- + Kinh phí sự nghiệp địa chính (332-nguồn 12): 2.242.498.357 đồng
- + Kinh phí phòng, chống Covid-19 (131-nguồn 12): 122.471.206 đồng.

Nguyên nhân:

a/ Kinh phí chi con người (nguồn 13): **251.867.237 đồng**, nguyên nhân là do dự toán năm 2022 Phòng Tài nguyên và Môi trường được giao kinh phí chi cho con người theo Quyết định số 13834/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND thành phố Biên Hòa với số kinh phí được giao là 19 biên chế theo quy định nhưng thực tế Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ có 17 biên chế đang làm việc.

b/ Kinh phí không thực hiện tự chủ (341-nguồn 12): **379.859.974 đồng**, nguyên nhân là do Phòng Tài nguyên và Môi trường không thực hiện các nhiệm vụ như kinh phí sao lục hồ sơ, tài liệu và đo đạc phục vụ công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai; Kinh phí ra quân ngày thứ 7 xanh, sạch, đẹp; Kinh phí chênh lệch giữa dự toán (395.000.000 đồng) và thực tế của hoạt động xử phạt vi phạm hành chính (95.000.000 đồng).

c/ Việc hủy dự toán kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt năm 2022 (261-nguồn 12): **24.281.354.206 đồng** là do:

+ Chưa thanh toán cho công tác xử lý rác sinh hoạt vượt tại giai đoạn trước khi trúng thầu với số tiền: 4.084.500.428 đồng, vì Phòng Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện thanh toán cho các đơn vị nhưng Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai gửi “*Thông báo từ chối tiếp nhận hồ sơ*” vào ngày 12/01/2023 và 14/01/2023 với đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường bổ sung quyết định chấp thuận cho thanh toán khối lượng vượt so với dự kiến. Vì vậy nguồn kinh phí cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt năm 2022 đã bị hủy dự toán theo quy định.

+ Khối lượng xúc, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố thực hiện thực tế (247.661,29 tấn/năm) thấp hơn so với khối lượng xây dựng cho dự toán (273.750 tấn/năm) chiếm 90,47%.

+ Đang trong giai đoạn thực hiện quy trình theo quy định Luật đấu thầu đối với nhiệm vụ thu gom, xử lý rác có nguy cơ lây nhiễm năm 2021 (*rác chôn lấp khử khuẩn*) nên Phòng chưa thực hiện thanh toán với số tiền: 6.354.391.000 đồng (Quyết định bổ sung kinh phí số 2587/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND thành phố Biên Hòa)

d/ Kinh phí xử lý nước thải sinh hoạt (262-nguồn 12): **230.285.658 đồng** là do:

+ Chưa thực hiện quyết toán cho hợp đồng đặt hàng số 54/HĐĐH ngày 28/12/2018 với số tiền: 118.523.612 đồng vì hóa đơn do TTDVCI có ngày lập hóa đơn là 11/01/2023 cho nên Phòng Tài nguyên và Môi trường không thực hiện được giao dịch trong năm 2022 để quyết toán cho Trung tâm Dịch vụ công ích với số tiền chênh lệch quyết toán xử lý nước thải năm 2018.

+ Khối lượng xử lý nước thải trên địa bàn thành phố thực hiện thực tế (1.065.163m³/năm) thấp hơn so với khối lượng xây dựng cho dự toán (1.095.000 m³/năm) chiếm 97,27%.

e/ Kinh phí sự nghiệp môi trường khác (278-nguồn 12): **2.059.986.702 đồng**

+ Nhiệm vụ chi Phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn không thực hiện theo dự toán vì nhiệm vụ này phân cấp cho phường, xã thực hiện tại Kế hoạch số 2946/KH-UBND ngày 11/3/2022 của UBND thành phố Biên Hòa về thực hiện nhiệm vụ ‘Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Biên Hòa’ năm 2022 và văn bản số 9641/UBND-KTNS ngày 12/7/2022 của UBND thành phố Biên Hòa về rà soát lại quy trình mua sắm thùng rác phục vụ công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

+ Nhiệm vụ kiểm tra tình hình khai thác tài nguyên và khoáng sản trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2022: Không thực hiện.

f/ Kinh phí sự nghiệp địa chính (332-nguồn 12): **2.242.498.357 đồng.**

+ Nhiệm vụ Lập phương án sử dụng đất các khu đất Quốc phòng (*Trung đoàn Tăng Thiết giáp 26, Lữ đoàn pháo binh 75, Lữ đoàn Tăng thiết giáp 22*) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai thu hồi giao địa phương quản lý: không thực hiện vì chưa được cấp có thẩm quyền trình, phê duyệt theo quy định theo Thông báo 8158/TB-UBND ngày 15/7/2021 về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh về khó khăn, vướng mắc trong việc lập phương án sử dụng đất các khu đất thu hồi từ nông, lâm trường, các đơn vị quốc phòng. Theo đó, UBND tỉnh thống nhất chọn lập phương án sử dụng đất trước đối với Nông trường cao su Hàng Gòn tại huyện Cẩm Mỹ, Sư đoàn Bộ binh 302 tại huyện Xuân Lộc và công ty Cổ phần Lâm nghiệp La ngà – Đồng Nai tại huyện Định Quán (không có khu đất có nguồn gốc quốc phòng thu hồi bàn giao địa phương quản lý thuộc thành phố Biên Hòa).

g/ Kinh phí phòng, chống Covid-19 (131-nguồn 12): **122.471.206 đồng**, nguyên nhân là do Phòng Tài nguyên - Môi trường và Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi chưa thống nhất nội dung: Phòng đề nghị thực hiện theo “**mức thu phí**”: **12.279 đồng** (*tại Quyết định số 29/2012/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai còn hiệu lực*) còn Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi đề xuất áp dụng “**đơn giá**” cho nên hai bên chưa ký kết Hợp đồng để tiến hành thủ tục thanh toán. Vì vậy nguồn kinh phí này bị hủy dự toán theo quy định.

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 0 đồng, trong đó:
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng
- Trích lập các Quỹ: 0 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo theo Mẫu biểu 1b).

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: đảm bảo thời gian theo lịch thông báo.

- Về công khai tài chính: thực hiện công khai dự toán theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như: Đơn vị hạch toán đúng mục lục ngân sách, có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện theo quy chế.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: đơn vị nộp báo cáo quyết toán đầy đủ theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017. Đơn vị chưa hoàn chỉnh số liệu báo cáo quyết toán.

2. Kiến nghị:

2.1. Kiến nghị của đơn vị xét duyệt:

- Đề nghị đơn vị thu hồi số tiền 1.000.000 đồng và nộp vào ngân sách thành phố trước ngày 31/10/2023.

- Đối với kinh phí xử lý rác sinh hoạt năm 2021: Phòng Tài nguyên – Môi trường thực hiện theo Văn bản số 14074/UBND-KTNS ngày 12/9/2023 của UBND thành phố Biên Hòa về việc xử lý tồn tại, vướng mắc trong công tác quyết toán năm 2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

- Đề nghị đơn vị hoàn thiện lại Biên bản bàn giao sản phẩm cho phường xã của nhiệm vụ Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cho đúng đối tượng đại diện của Phòng và Biên bản bàn giao của phường An Hòa bị trùng với 2 phường khác.

- Đề nghị đơn vị hoàn chỉnh số liệu báo cáo quyết toán trước ngày 31/10/2023.

- Đề nghị đơn vị phản ảnh tất cả các khoản thu, chi vào báo cáo tài chính của đơn vị. Thực hiện nghiêm theo Luật ngân sách.

Nơi nhận:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, HCSN.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Thanh Thủy